

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 13 /2020/HSST
Ngày 15 tháng 12 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q - TỈNH HÀ GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- + ***Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:*** ông Cao Danh Nhân
- + ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Bà Đào Thị Hà và bà Viên Thị Mai Lan.
- + ***Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Vũ Hữu Toàn - Thư ký Tòa án.
- + ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên tòa:*** Bà Tổng Thị Bích Hồng - kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 13/2020/HSST ngày 25 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2020 đối với:

1. Bị cáo: **Cư Seo T** (tên gọi khác: không), Sinh ngày 01/01/1998 tại huyện Q, tỉnh Hà Giang; Nơi cư trú: Thôn C, xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Mông ; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Cha: Cư Seo D; Sinh năm: 1955 (đã chết); Mẹ: Giàng Thị M: Sinh năm 1962; gia đình có 9 anh em ruột, bị cáo là con thứ 9. Vợ: Sùng Thị H; Sinh năm: 2002. Có 01 con sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/9/2020 đến ngày 20/11/2020 được Viện kiểm sát nhân dân huyện Q thay đổi biện pháp tạm giam bằng hình thức bảo lãnh. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: ông Hoàng Ngọc Chung – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hà Giang. Có mặt.

2. Bị cáo: **Giàng Mí V** (tên gọi khác: không), Sinh ngày 18/11/2001 tại huyện Q, tỉnh Hà Giang; Nơi cư trú: Thôn C, xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Mông ; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Cha: Giàng Mí H; SN: 1978; Mẹ: Cư Thị S: Sinh năm 1983; gia đình có 3 anh em ruột, bị cáo là con thứ nhất. Vợ con: Chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/9/2020 đến ngày 20/11/2020 được Viện kiểm sát nhân dân huyện Q thay đổi biện pháp tạm giam bằng hình thức bảo lãnh. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: bà Bùi Thị Hà – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hà Giang. Có đơn xét xử vắng mặt.

3. Bị hại: Anh Hoàng Văn T1, sinh năm: 1992, trú tại: Tổ 4, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Cư Thị S, sinh năm 1993. Trú tại: Thôn C, xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

+ Chị Sùng Thị H, sinh năm: 2002. Trú tại thôn C, xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

+ Chị Vương Thị M; Sinh năm: 2002. Trú tại thôn Ng, xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

+ Ông Giàng Mí H; SN: 1978. Trú tại thôn C, xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10/9/2020, Cư Seo T, cùng với Giàng Mí V (là cháu ruột của Cư Seo T) đặt mua trên ứng dụng thương mại điện tử LAZADA một máy kích điện tử với giá là 2.200.000 đồng (*Hai triệu hai trăm nghìn đồng*), V đặt hàng lấy tên giả người nhận hàng là “*Viên Lương Hải*”, địa chỉ nhận hàng là ở thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang và sử dụng số điện thoại 0385553384 của V để nhận hàng. Sau khi đặt hàng V và T nói chuyện với nhau rằng do lần trước V cũng đặt hàng trên Lazada một cái máy kích điện nhưng về vừa dùng được mấy ngày thì đã bị hỏng mà cửa hàng lại không cho đổi trả nên lần này đặt hàng xong, sẽ nhận hàng rồi bỏ chạy, không trả tiền.

Khoảng 17 giờ, ngày 15/9/2020, Hoàng Văn T1, là người giao hàng liên lạc với số điện thoại nhận hàng 0385553384 nhưng không liên lạc được, anh T1 đã nhắn tin gửi vào số điện thoại 0385553384 với nội dung: “*Anh ơi anh có đặt một đơn hàng trên LAZADA, em có liên lạc với anh nhưng không được*”. V sau khi đi làm về nhà, kiểm tra điện thoại thấy có tin nhắn của anh T1 thì V có đến nhà T thông báo với T là hàng đã đến rồi và bảo T gọi điện cho người giao hàng nhưng T không gọi vì lúc đó T đang bận và bảo V tự gọi, do sim của V hết tiền nên V hỏi mượn điện thoại của T để gọi điện cho T1 là người giao hàng, T đồng ý và đưa điện thoại di động của vợ là Sùng Thị H cho V mượn, V dùng số điện thoại 0865453619 của H gọi điện cho anh T1, trước khi V gọi T dặn V nói với anh T1 giao hàng ở điểm dừng chân Cổng Trời nên khi V gọi điện, V đề nghị anh T1 giao hàng cho V ở điểm dừng chân Cổng Trời, anh T1 trả lời là đang đi giao hàng ở thôn B, thị trấn T, vì trời tối rồi nên anh T1 không lên điểm dừng chân giao được, nếu nhận hàng được thì gặp nhau ở chợ Trung tâm huyện Q. Khi nghe anh T1 nói vậy, V lấy lý do là đang có việc gấp, nếu giao được đến ngã ba Lùng Khúy thì V nhận hàng, anh T1 không đồng ý và hẹn V 07 giờ sáng ngày hôm sau 16/9/2020 sẽ giao hàng đến điểm dừng chân Cổng Trời cho V, rồi anh T1 tắt máy, V về nhà, T đi theo V và cầm theo chiếc điện thoại di động của Sùng Thị H.

Khoảng 10 phút sau, anh T1 gọi điện lại vào số 0865453619 thì T đưa cho V nghe máy, khi V nghe điện thoại thì anh T1 có nói với V là giao hàng ở ngã ba Lùng Khúy, V đồng ý và tắt máy. Sau khi V nghe điện thoại xong thì T có

nói với V là tháo biển số xe, V đồng ý vào nhà lấy 01 một chiếc đèn pin loại đội đầu ra soi cho T mở cốp xe mô tô lấy trong bộ phụ tùng của xe một chiếc cờ lê để sử dụng tháo biển số xe mô tô 23L1-105.70 (xe của Cư Thị S là mẹ đẻ của Giàng Mí V),sau khi tháo xong biển số T cắt biển số xe vào trong cốp xe và đi bộ về nhà trước, còn V vào nhà mặc áo mưa màu xanh đen, mặc quần sóc màu xanh, đeo một đôi giày vải màu xanh rằn ri và đeo khẩu trang vải màu tím xanh đen, điều khiển xe mô tô đã tháo biển số đến nhà T, V gọi T đi thôi, T đồng ý và mặc một chiếc áo khoác gió, mặc một quần sóc màu trắng sữa, đeo thắt lưng màu trắng sáng, đeo khẩu trang y tế màu trắng và cầm theo một con dao bằng kim loại và ngồi sau xe mô tô V điều khiển và cùng đi đến ngã ba Lũng Khúy như đã hẹn với anh T1 từ trước.

Khoảng 19 giờ cùng ngày, V và T đi xe mô tô đến khu vực cổng chào Núi Đồi thì dừng xe, V ngồi trên xe mô tô còn T xuống xe và đứng lên vỉa hè bên phải hướng đường Quốc lộ 4C đi UBND xã Q. Tại đây V sử dụng điện thoại di động của H, dùng số điện thoại 0865453619 gọi điện hẹn anh T1 đến. Khoảng 19 giờ 10 phút cùng ngày, anh T1 điều khiển xe mô tô chở theo con trai là Hoàng Quốc V, sinh năm 2015 đến vị trí V và T đang đứng chờ. Khi nhìn thấy V và T đang đứng ở cạnh đường, anh T1 dừng xe cạnh xe của V và T và nói: *“Hai em là người nhận hàng phải không”*, V trả lời: *“Vâng”*, sau đó anh T1 lấy gói hàng đặt ở trước xe đưa cho V. V nhận gói hàng từ anh T1 cầm xem bên ngoài gói hàng rồi đưa cho T và nói với T bằng tiếng dân tộc Mông: *“cậu xem hàng đi”*, sau đó quay sang nói với anh T1: *“Anh ơi, để cậu của em thanh toán cho anh, em đi bơm xăng”* và điều khiển xe máy đi trên Quốc lộ 4C theo hướng đi UBND xã Q, Vần lấy lý do nói với anh T1 như vậy chứ V không đi bơm xăng, sau đó V đi thẳng đến đường bê tông rẽ vào Trường Nghề, đến ngã tư V rẽ lên đi theo đường bê tông hướng lên UBND TT T và đứng ở đó đợi T. T sau khi nhận gói hàng từ V, T cầm xem bên ngoài gói hàng, lúc này anh T1 xuống xe, tiến đến gần T và hỏi T: *“Thế có lấy hàng không?”*, T trả lời: *“có”* và dùng tay trái rút lấy ví để trong túi quần sau bên trái ra, nhưng không lấy tiền ra trả mà lại cắt ví vào túi quần sau bên trái. Lúc này T quan sát xung quanh không thấy có người qua lại, T tay cầm gói hàng quay người bỏ chạy xuống bên tả ly âm bên phải đường hướng Quốc lộ 4C đi UBND xã Q, chạy men theo sườn dốc tả ly xuống thửa ruộng bên dưới đường, thấy T ôm hàng chạy anh T chạy đuổi theo để giành lại gói hàng. T chạy trên ruộng hướng về UBND xã Q khoảng 100m thì anh T đuổi gần sát và hô hoán: *“Cướp! Dừng lại!”*, T dừng lại, anh T1 tiến đến gần và nói: *“Trả lại gói hàng thì việc ngày hôm nay coi như xong”*. T sợ bị đánh nên tay phải rút con dao đang dắt ở thắt lưng bên hông phải ra, mục đích là để anh T1 thấy T cầm dao thì không lao vào T nữa. Sau đó tay phải T cầm vào phần chuôi dao, hướng mũi dao xuống đất, rồi dùng tay trái đặt gói hàng xuống đất rồi quay người tiếp tục bỏ chạy trên ruộng về hướng UBND xã Q. Sau khi T để lại gói hàng và bỏ chạy anh T1 không tiếp tục đuổi theo nữa mà cầm gói hàng về và lên trình báo với Công an huyện Q.

Khi T bỏ chạy được khoảng 200 mét thì quay lại đoạn đường bê tông thuộc thôn N, xã Q hướng lên Quốc lộ 4C, T đi qua nương ngô lên đường bê tông, tháo khẩu trang đang đeo ra và vứt khẩu trang vào bụi cỏ ven đường, sau

đó T đã quay lại đường bờ ruộng hướng về UBND xã Q. Khi đi được khoảng 300 mét đến khu vực đường bê tông gần Trường nghề huyện. Lúc này T thấy V điều khiển xe mô tô đã tháo biển kiểm soát từ hướng Trường Nghề đến, V nhìn thấy có bóng người đang đi dưới ruộng, V dừng xe, tắt máy để xe bên trái đường theo chiều đi của V sau đó nấp vào bụi cỏ ven đường rồi huýt sáo gọi xem có phải T không. T nghe thấy tiếng huýt sáo thì chạy qua đường bê tông, sang ruộng lúa bên đường và nấp sau một bó rơm. V huýt sáo thêm một lần nữa thì T huýt một tiếng sáo trả lời, sau đó T từ bó rơm đi ra đường bê tông và đi bộ về hướng UBND xã Q. Sau khi V và T nhận ra nhau thông qua âm hiệu bằng tiếng sáo thì V cũng từ chỗ nấp đi ra vị trí để xe quay xe và nổ máy xe điều khiển xe đi về phía T, V điều khiển xe đến gần T và hỏi: “*Cậu đấy à*”, T trả lời: “*Ừ, trả lại đồ rồi, không làm như thế này lần nào nữa*”. Nói xong T ngồi lên xe mô tô của V đi về nhà tại thôn Công Trời, xã Q sau đó V và T ai về nhà đó ngủ.

Sáng 16/9/2020, khi ngủ dậy T và V đi làm ruộng và sinh hoạt bình thường. Trưa ngày 16/9/2020, Vương Thị M là người yêu của V vì bức tức V đã đập hỏng điện thoại di động của mình nên đã tháo sim điện thoại số 0385553384 của V ra và đốt sim ở bếp lửa của gia đình V. Sáng ngày 17/9/2020, T thấy có nhiều cuộc gọi đến sim điện thoại số 0864453619, vì nghĩ là Công an đang tìm người sử dụng số điện thoại trên nên T đã tháo sim ra, bẻ gãy và đốt ở bếp lửa nhà T. Ngày 17/9/2020 các bị cáo bị cơ quan điều tra bắt giữ.

Kết luận của Hội đồng định giá tài sản huyện Q đối với tài sản là 01 thiết bị điện tử và 01 sợi dây kết nối thiết bị mà các bị cáo đã chiếm đoạt có trị giá: 2.050.000 đồng (*Hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*).

Về vật chứng của vụ án:

- 01 gói hàng bọc bằng bì carton màu nâu nhạt, bên trong gồm có: 01 thiết bị điện tử và 01 sợi dây kết nối thiết bị.

- 01 khẩu trang vải, mặt ngoài có kẻ caro màu tím, xanh, đen, mặt trong có màu trắng, một nửa khẩu trang có in họa tiết hoa văn

- 01 đèn pin (*loại đèn pin đội đầu*) màu đen, vàng, phát ra ánh sáng trắng

- 01 quần sooc màu xanh, bên túi trái có thêu chữ FILA màu đỏ

- 01 đôi giày vải màu xanh rằn ri, có dây buộc màu đen

- 01 áo mưa màu xanh đen, mặt trước bên trái có logo hình tam giác màu trắng, nhãn hiệu THỦY SƠN^R

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu đen, xanh, mặt trước màn hình đã bị vỡ vụn, không còn chức năng sử dụng

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu CHANGHONG, có bàn phím, viền quanh điện thoại màu vàng, ốp mở tháo pin có màu đen, điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong

- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại JUPITER GP, màu sơn xanh đen, biển kiểm soát 23L1 - 105.70, trên vỏ nhựa của thân xe có nhiều vết trầy xước, trên tay gương bên trái có lắp một đèn trợ sáng màu đen, xe cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong xe

- 01 chiếc cờ lê (*loại cờ lê 10*), một đầu tròn, một đầu vuông, cờ lê dài 12cm, phần rộng nhất của cờ lê có kích thước 2cm, trên thân cờ lê có in chữ USA STANDARD

- 01 áo khoác gió nhãn hiệu WOWIU^R, XL 175/92A màu xanh, áo đã bạc màu, trên áo có dính nhiều bùn đất
- 01 quần sooc màu trắng sữa, có dính nhiều bùn đất
- 01 thắt lưng màu đỏ đô, mặt thắt lưng màu trắng sáng, bằng kim loại có in hình ngôi sao, trên thắt lưng có dính nhiều bùn đất
- 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu ITTEL, màu đồng, màn hình cảm ứng, mặt trước màn hình bị vỡ vụn, điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong
- 01 con dao bằng kim loại (*loại dao bầu*), cán dao hình trụ tròn, dài 9cm, phần lưỡi dao dài 20cm, phần rộng nhất của lưỡi dao có kích thước 6cm, lưỡi dao sắc nhọn, tổng chiều dài của dao là 29cm.

Vật chứng đã xử lý: Trả lại tài sản cho bị hại Hoàng Văn T1: 01 thiết bị điện tử, có vỏ bằng kim loại màu tím, đen, kích thước (32 x 15 x 7)cm, tại một đầu của thiết bị có 04 sợi dây điện (02 sợi màu đỏ, 02 sợi màu đen) gắn vào 02 kẹp bằng kim loại màu nâu.

- 01 sợi dây kết nối thiết bị màu xám, dài 150cm, một đầu gắn kẹp nhựa màu đen

Trả lại tài sản cho bị hại Cư Thị S những tài sản sau: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại JUPITER GP, màu sơn xanh đen, biển kiểm soát 23L1 - 105.70.

Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa anh Hoàng Văn T1 khai: Anh là nhân viên giao hàng của Công ty VinaCapital Việt Nam, khoảng 15 giờ ngày 15/9/2020 anh có gọi điện thoại cho bị cáo T nhận hàng nhưng không liên lạc được, đến 18 giờ 21 phút thì bị cáo có liên lạc lại và thống nhất nơi giao hàng tại cổng trào đường Quốc lộ 4C gần núi đôi, đến khoảng 19 giờ anh đèo con trai (5 tuổi) đi xe máy đi giao hàng, đến gần cổng trào thì thấy 02 bị cáo và sự việc đúng như các bị cáo đã khai nhận tại phiên tòa. Hiện tại anh đã được cơ quan điều tra trả lại gói hàng là máy kích điện và các bị cáo đã bồi thường cho anh 10 triệu đồng, anh không có yêu cầu bổ sung và đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo.

Cơ quan cảnh sát điều tra huyện Q đã cho bị hại nhận dạng và đều khẳng định bị cáo T và V là người thực hiện hành vi cướp giật gói hàng của anh, đồng thời cơ quan điều tra đã thực nghiệm lại hiện trường để xác định hành vi phạm tội của các bị cáo.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát đã công bố tại phiên tòa.

Về dân sự: Tại phiên tòa bị hại không có yêu cầu bổ sung và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa các bị cáo, người làm chứng có lời khai phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra và những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 14/CT-VKSQB ngày 23/11/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang đã truy tố bị cáo Cư Seo T, Giàng Mí V về tội: “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ Luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi của mình đúng như cáo trạng đã truy tố, thừa nhận hành vi của mình là phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo: Cur Seo T, Giàng Mí V phạm tội “Cướp giật tài sản”. Về hình phạt: Các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả, thiệt hại xảy ra không lớn, tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, các bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế biệt khó khăn, bị cáo V là hộ cận nghèo nên cần áp dụng áp dụng khoản 1 Điều 171, điểm b, s h, khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 18, Điều 65, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Cur Seo T từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng. Xử phạt bị cáo Giàng Mí V từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng. Không áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, bị hại không yêu cầu nên không xem xét. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị xử lý vật chứng theo qui định. Các bị cáo có đơn xin miễn án phí cần chấp nhận.

Trợ giúp viên pháp lý có quan điểm bào chữa cho 2 bị cáo đồng tình quan điểm của KSV tại phiên tòa xét xử về tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự là đúng quy định của pháp luật. Nguyên nhân dẫn đến phạm tội các bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, hiểu biết pháp luật hạn chế nên đã thực hiện hành vi phạm tội, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo rất ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, đã bồi thường khắc phục hậu quả, phạm tội không gây thiệt hại, đã thu hồi được tài sản, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Từ những lập luận trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Cur Seo T 15 tháng tù cho hưởng án treo, bị cáo Giàng Mí V 09 tháng tù cho hưởng án treo.

Tại phiên tòa, các bị cáo không có tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, nhất trí quan điểm của người bào chữa, thừa nhận tại gia đoạn điều tra đã nhờ gia đình cùng bồi thường cho bị hại 10 triệu đồng. Đại diện gia đình không yêu cầu các bị cáo trả lại. Bị hại giữ nguyên ý kiến đề nghị giảm nhẹ hình phạt nhưng đề nghị xử lý hành vi của các bị cáo theo qui định của pháp luật. Khi được nói lời sau cùng các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Xét tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử của Điều tra viên, Kiểm sát viên, cơ quan Cảnh

sát điều tra Công an huyện Q và Viện kiểm sát nhân dân huyện Q: Điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục, theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết vụ án. Tại phiên tòa người bào chữa của bị cáo Văn có đơn xét xử vắng mặt, bị cáo đồng ý, căn cứ vào khoản 1 Điều 291 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Bị hại và người làm chứng không có lời khai bổ sung. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định: Tối ngày 15/9/2020 bị cáo Cur Seo T cùng với Giàng Mí V đã thực hiện hành vi khi đặt mua hàng trên mạng (thiết bị điện tử), khi anh Hoàng Văn T1 là người được bên bán ủy quyền bàn giao hàng, các bị cáo đã bàn bạc từ trước đến nhận hàng nhưng không trả tiền, lợi dụng sơ hở đã lấy hàng rồi chạy tẩu thoát nhằm bù lại lần mua lần trước sử dụng được ít ngày đã bị hỏng, trị giá tài sản là: 2.050.000,đ. Hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất của vụ án: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vi động cơ vụ lợi đã cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội. Bản thân các bị cáo có hiểu biết đủ khả năng nhận thức về hành vi của mình, biết việc chiếm đoạt tài sản thuộc sở hữu của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do xuất phát từ lòng tham, muốn hưởng thụ nên đã công khai thực hiện hành vi, các bị cáo phạm tội do lỗi cố ý. Do đó phải áp dụng một mức án nghiêm, phù hợp với tính chất, hành vi, mức độ phạm tội, vai trò và nhân thân của các bị cáo mới có tác dụng giáo dục, dẫn dắt và phòng ngừa tội phạm.

[4] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án: Các bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, không có sự phân công vai trò cụ thể, không có sự câu kết chặt chẽ trong việc phạm tội. Bị cáo V là người khởi xướng và giúp sức, bị cáo T tích cực tham gia, trực tiếp thực hiện hành vi cướp giật tài sản.

[5] Về nhân thân: Các bị cáo chưa vi phạm pháp luật lần nào, chấp hành tốt pháp luật của nhà nước và qui định tại nơi cư trú.

[6] Về tình tiết tăng nặng: Không

[7] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hai bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân, tỏ rõ thái độ, ăn năn hối cải, thiệt hại xảy ra không lớn, đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả, tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại, là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, hiểu biết pháp luật hạn chế, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên khi lượng hình cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật. Hiện tại thấy rằng các bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, là lao động chính trong gia đình, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo V là hộ cận nghèo. Xét thấy không cần

thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo để chính quyền địa phương giám sát giáo dục cũng đạt được mục đích cải tạo, rèn luyện bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Do vậy chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, của người bào chữa về tội danh, hình phạt và các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo là có cơ sở để xem xét.

[8] Các bị cáo bị tạm giữ tạm giam từ ngày 17/9/2020 đến ngày 20/11/2020 được tại ngoại, thời gian các bị cáo bị tạm giam không được khấu trừ vào thời gian thử thách.

[9] Đối với hành vi của bà Cư Thị S cho bị cáo V mượn xe máy, ông Giàng Mí H, chị Vương Thị M cho bị cáo V mượn điện thoại, chị Sùng Thị H cho bị cáo T mượn điện thoại. Cơ quan điều tra xác định khi mượn những tài sản trên bà S, ông H, chị H, chị M đều không biết các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên không có cơ sở xem xét.

[10] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 171 Bộ luật hình sự còn qui định phạt tiền đối với người phạm tội. Xét thấy 2 bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại đã nhận tài sản, đã được bồi thường xong, bị hại không yêu cầu bổ sung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Về xử lý vật chứng:

Những vật chứng liên quan đến tội phạm không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy gồm:

- 01 khẩu trang vải.
- 01 đèn pin (*loại đèn pin đội đầu*) màu đen, vàng.
- 01 quần sooc màu xanh.
- 01 đôi giày vải màu xanh rằn ri, có dây buộc màu đen
- 01 áo mưa màu xanh đen, nhãn hiệu THỦY SƠN^R
- 01 chiếc cờ lê (*loại cờ lê 10*) trên thân cờ lê có in chữ USA STANDARD
- 01 áo khoác gió nhãn hiệu WOWIU^R, XL 175/92A màu xanh.
- 01 quần sooc màu trắng sữa.
- 01 thắt lưng màu đỏ đô, mặt thắt lưng màu trắng sáng, bằng kim loại
- 01 con dao bằng kim loại.

Cần trả lại:

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu đen, xanh cho chị Vương Thị M

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu CHANGHONG cho ông Giàng Mí H.

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ITEL màu đen, xanh cho chị Sùng Thị H.

[13] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định

[14] Bồi các lễ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 171, điểm b,i,s h, khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự

- Tuyên bố bị cáo Cur Seo T, Giàng Mí V phạm tội “ Cướp giật tài sản”.
- Xử phạt bị cáo Cur Seo Th **16** (mười sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **32** (ba mươi hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.
- Xử phạt bị cáo Giàng Mí V **12** (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **24** (hai mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo cho UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại Điều 92 Luật thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 45, điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật tố tụng hình sự: Huỷ bỏ biện pháp bảo lãnh đối với các bị cáo.

- Về vật chứng: Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự :

+ Tuyên trả lại: 01 chiếc điện thoại ITEL cho chị Sùng Thị H, 01 điện thoại VIVO cho Vương Thị M, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu CHANGHONG cho ông Giàng Mí H.

Tuyên tịch thu tiêu hủy:

- 01 khẩu trang vải.
- 01 đèn pin (*loại đèn pin đội đầu*) màu đen, vàng.
- 01 quần sóc màu xanh.
- 01 đôi giày vải màu xanh rằn ri, có dây buộc màu đen
- 01 áo mưa màu xanh đen, nhãn hiệu THỦY SƠN^R
- 01 chiếc cờ lê (*loại cờ lê 10*) trên thân cờ lê có in chữ USA STANDARD
- 01 áo khoác gió nhãn hiệu WOWIU^R, XL 175/92A màu xanh.
- 01 quần sóc màu trắng sữa.
- 01 thắt lưng màu đỏ đô, mặt thắt lưng màu trắng sáng, bằng kim loại
- 01 con dao bằng kim loại (*loại dao bầu*), cán dao hình trụ tròn, dài 9cm, phần lưỡi dao dài 20cm, phần rộng nhất của lưỡi dao có kích thước 6cm, lưỡi dao sắc nhọn, tổng chiều dài của dao là 29cm.

Tình trạng, đặc điểm vật chứng như biên bản bàn giao giữa Công an huyện Q và Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Q ngày 23/11/2020

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Cur Seo T, Giàng Mí V được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

- Căn cứ Điều 331 , Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Sở Tư pháp tỉnh;
- VKSND huyện QB + VKSND tỉnh HG;
- Chi cục THADS huyện QB;
- CQĐT+ CQTHAHS Công an QB;
- Phòng PV06, PC 10 Công an tỉnh HG;
- Bị cáo, bị hại;
- UBND xã Quản Bạ;
- Lưu HS VA+HSTHAPT.

Cao Danh Nhân